

Bản án số: 17/2025/HSST
Ngày 05 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Đoàn Thị Kim Thương;
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên; Ông Nguyễn Ngọc Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoài Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 34/2025/TB-TA ngày 25/02/2025, đối với các bị cáo:

1. T, sinh ngày 07/6/1977 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Long Quy, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Song và bà Nguyễn Thị Me; chồng Nguyễn Đình Phúc và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 16/12/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. P (tên gọi khác: *Xom Vang*), sinh ngày 18 tháng 07 năm 1998 tại: Lào; nơi cư trú: Bản Densavan, huyện Sê pôn, tỉnh Savannakhet, Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; nghề nghiệp: Làm rẫy (*nghe phụ lái thuyền máy*); trình độ văn hóa: lớp 6 (*theo hệ thống giáo dục của Lào*); dân tộc: Lào Lum; giới tính: Nam; tôn giáo: thờ ma; quốc tịch: Lào; con ông Khamdy Keouangdy và bà Mon

Keoduangdy; vợ Chau Sengphachan và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2024, có mặt tại phiên tòa.

* **Người phiên dịch:** Bà Lê Thị Hà T, địa chỉ: số 5 Lê Hồng Phong, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

* **Người làm chứng:**

- Ông Đoàn Minh H, địa chỉ: Thôn Long Hợp, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn C, địa chỉ: Thôn Thuận 1, xã Thuận, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn T, địa chỉ: Thôn Làng Vây, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Hồ Văn Th, địa chỉ: Thôn Làng Vây, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 10 phút ngày 17/7/2024, lực lượng chức năng tuần tra khu vực vành đai biên giới sát bờ sông Sepon về phía Việt Nam thuộc địa phận khóm Duy Tân, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, phát hiện có P (*sau đây gọi tắt P*) điều khiển thuyền máy chạy trên sông Sepon, vận chuyển động vật sống (dê) từ biên giới nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vào Việt Nam, đến neo đậu vào bến đò nối với đường dân sinh dẫn đến khuôn viên thửa đất thuộc sở hữu của bà Đoàn Thị Thuỳ Gia. Tổ công tác kiểm tra, thu giữ thuyền máy và 183 cá thể dê. P khai, được người phụ nữ tên Che Sai thuê vận chuyển 183 cá thể dê từ Lào về Việt Nam qua sông Sepon giao cho người phụ nữ tên T để nhận tiền công. P không xuất trình được hoá đơn, chứng từ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của 183 cá thể dê. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P. Thời điểm này, phát hiện có 04 người đàn ông gồm Hồ Văn Tình, Hồ Văn Cười, Hồ Văn Thương và Đoàn Minh Hùng đang lừa dê từ thuyền máy lên đường dân sinh để đến khu vực đất của bà Gia, tại vị trí cách thuyền máy khoảng 100m có T đang trên đường dân sinh đi xuống vị trí thuyền P chở dê.

Ngày 29/10/2024, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị đầu thú về hành vi buôn lậu đối với 183 cá thể dê do P vận chuyển từ Lào sang Việt Nam vào ngày 17/7/2024.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận:

T khai: T không có công việc làm ổn định, chủ yếu sống bằng nghề buôn bán nhỏ lẻ tại khu vực thị trấn Lao Bảo và xã Tân Long, huyện Hướng Hoá. T sử dụng trại chăn nuôi ở Khóm Tân Kim, thị trấn Lao Bảo, sát khu vực vành đai biên giới sát mép sông Sepon của bà Đoàn Thị Thuỳ Gia - em ruột T, làm nơi tập kết hàng nông sản, động vật để bán cho những người có nhu cầu. Ngoài ra, T còn môi giới, nhận hàng, cân hàng cho người khác để nhận tiền công. Trước đó, T đã nhiều lần nhận hàng (dê) của người đàn ông tên Âu Đức Toàn có trại dê phía đối diện với trại dê của em bà Gia để giao cho người mua dê.

T biết dê của Toàn là dê Lào được vận chuyển trái phép từ Lào về Việt Nam qua sông Sepon. Ngày 17/7/2024, Toàn điện thoại cho T thông báo tối cùng ngày có 636 con dê về. Số dê này Toàn bán cho người đàn ông tên Đức (người Nghệ An, có số điện thoại 0986.877.856). Tối ngày 17/7/2024, sau khi được Toàn thông báo, T liên lạc với Sangthong Keoduangdy (anh trai của P) qua ứng dụng mạng xã hội Facebook để thống nhất thời gian vận chuyển dê về trại. Sau đó, T nhắn tin nhắn thoại trên nhóm Zalo “làm Dê” thông báo và yêu cầu những người làm công cho T gồm anh Đoàn Minh Hùng, Hồ Văn Tình, Hồ Văn Thương và Hồ Văn Cười tối lên trại để bắt dê. Những người này lên trại trước, T lên sau. Khi đang lừa dê từ thuyền của P lên đường dân sinh dẫn lên trại dê do bà T quản lý thì bị Cơ quan Công an bắt giữ. Thu giữ 183 con dê, trọng lượng 4.679 kg.

P khai: P sinh sống sát khu vực bờ sông Sepon tiếp giáp với Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo nên P và anh em trong gia đình làm nghề lái thuyền máy vận chuyển Dê từ Lào về Việt Nam qua sông Sepon. Khoảng 21 giờ ngày 17/7/2024, Sangthong Keoduang dy (gọi tắt là Sangthong) nói với P có người tên Che Sai thuê anh em của P vận chuyển dê, tiền công 200.000 Kip/01 chuyến; mỗi người lái 01 thuyền máy đến khu vực bờ sông Sepon rồi vận chuyển về Việt Nam qua sông SePon giao cho T. P đồng ý và lấy thuyền máy của Sangthong lái đến vị trí xe chở dê đang đậu sát mép bờ sông phía Lào. Tại đây, nhiều người trong gia đình P lừa dê từ trên xe xuống thuyền, P chở dê đi từ mép bờ sông Sepon phía Lào cập bến sát mép bờ sông thuộc địa phận Việt Nam. Đến nơi P ngồi phía sau vị trí máy thuyền, Đoàn Minh Hùng, Hồ Văn Tình, Hồ Văn Thương và Hồ Văn Cười lên thuyền để lừa dê từ thuyền lên bờ. Khi đang lừa dê từ trên thuyền xuống thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị, kết luận: 183 cá thể dê còn sống, được bấm số thẻ tai phân biệt từng cá thể, có trọng lượng 4.679kg, giới tính: Cái, có trị giá 257.345.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của P 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xám, có ốp nhựa màu ghi; bên trong gắn thẻ sim Viettel số 8984048000387029576 và 01 sim Unitel số 8945703002140484775 và 01 thuyền máy, được làm bằng gỗ và kim loại, xung quanh thân thuyền không có ký hiệu, số hay chữ viết, phía đuôi thuyền có gắn động cơ ngoài nổi với cánh quạt dạng chân vịt để di chuyển;

- Thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG màu đen, có vỏ ốp bằng nhựa trong suốt, bên trong gắn thẻ sim Vinaphone số 89840200011437943200 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen; bên trong gắn thẻ sim Viettel số 8984048000302654825;

- Thu giữ của Hồ Văn Tình 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xanh, có số IMEI 1: 860936061532366/31; bên trong gắn thẻ sim điện thoại;

- Thu giữ của Đoàn Minh Hùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, có ốp bằng nhựa màu đà; bên trong gắn thẻ sim điện thoại;

- 183 cá thể động vật (Dê).

Ngày 06/08/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị đã xử lý vật chứng tiêu hủy 11 cá thể dê bị chết và bán đấu giá 172 cá thể dê sống số tiền 290.100.000 đồng. Đã trả lại điện thoại cho Hồ Văn Tình và Đoàn Minh Hùng.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo T về tội “*Buôn lậu*” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự và bị cáo P về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T về tội: “*Buôn lậu*” và bị cáo P về tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 188, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật hình sự xử phạt T từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng. Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt P thời hạn tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO và 01 thuyền máy của P và số tiền 290.100.000 đồng. Trả lại cho T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc T và P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 17/7/2024, T mua trái pháp luật 183 cá thể dê, có trọng lượng 4.679kg, trị giá 257.345.000 đồng từ Lào đưa về Việt Nam để bán cho người khác, hành vi của Đoàn Thị Thuy T phạm tội “*Buôn lậu*” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự, điều luật quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

P có hành vi dùng thuyền máy vận chuyển trái phép 183 cá thể dê, có trọng lượng 4.679kg, trị giá 257.345.000 đồng từ Lào đưa về Việt Nam qua sông Sepon giao cho T để nhận tiền công. Hành vi của P đã phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*” quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự, điều luật quy định hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu hàng hóa mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần phải được xử lý để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T tự nguyện đầu thú, được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, xem xét cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo P đã bị tạm giam một thời gian nên xem xét mức hình phạt tương đương thời gian tạm giam cũng đảm bảo tính răn đe. Bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế nên áp dụng hình phạt chính phạt tiền là phù hợp. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo và 01 thuyền máy, P dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, T dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước. Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Số tiền 290.100.000 đồng bán đấu giá 172 cá thể dê tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho các chủ sở hữu và tiêu hủy 11 cá thể dê bị chết theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với những đối tượng có liên quan: Bị cáo T khai nhận trước đó đã nhiều lần nhận, phân loại và giao bán dê từ Lào về cho Âu Đức Toàn; P Keoduang dy khai nhận nhiều lần vận chuyển dê cho T và một số chủ hàng khác. Tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được nên không có cơ sở xử lý.

Trong vụ án này, T khai số dê bị thu giữ là của Âu Đức Toàn, nhưng không đủ chứng cứ chứng minh hành vi của Toàn nên không có cơ sở để xử lý. Hồ Văn Tình, Hồ Văn Cười, Hồ Văn Thương và Đoàn Minh Hùng là những người lừa dê từ thuyền của P lên trại chăn nuôi, những người này được T thuê, không liên quan đến việc phạm tội của T nên không xử lý. Người phụ nữ Lào tên Che Sai và Sangthong Keoduangdy liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã chuyển thông tin cho Công an tỉnh Savannakhet, Lào đề nghị làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Ra Quyết định trả tự do đối với bị cáo P do thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Hủy Lệnh “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” số 05/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo T phạm tội “*Buôn lậu*” và bị cáo P phạm tội “*Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **T 80.000.000** (*Tám mươi triệu*) đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **P 07** (*bảy*) tháng **15** (*mười lăm*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

** Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước:*

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xám, gắn kèm sim Viettel số 8984048000387029576, sim Unitel in số 8945703002140484775 (*Được niêm phong trong phong bì niêm phong, có chữ ký và họ tên của Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Hải Đăng và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kèm theo Kết luận giám định số 1091/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, màu đen, gắn kèm sim Vinaphone in số 89840200011437943200. (*Được niêm phong trong phong bì niêm phong, có chữ ký và họ tên của Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Hải Đăng và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kèm theo Kết luận giám định số 1092/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị*).

- 01 thuyền máy, có đặc điểm được làm bằng gỗ và kim loại, xung quanh thân thuyền không có ký hiệu, ký số hay chữ viết, phía đuôi thuyền có gắn động cơ ngoài nổi với cánh quạt dạng chân vịt để di chuyển. (*Hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu Lao Bảo bảo quản tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị*);

- Số tiền 290.100.000 đồng (*hai trăm chín mươi triệu một trăm ngàn đồng*). Hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054172.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo ủy nhiệm chi ngày 04/3/2025.

* Trả lại cho bị cáo T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; gắn kèm sim Viettel in số 8984048000302654825. (*Được niêm phong trong phong bì niêm phong, có chữ ký và họ tên của Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Hải Đăng và hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kèm theo Kết*

luận giám định số 1092/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị).

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Trị với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo T và bị cáo P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGT;
- Phòng KTNV; Tổ HCTP
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa